TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 17/02/2020.
V/v: *"ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giáp Hà Tĩnh.

2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 325/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019, về việc: "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tôn Thị N, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn 3, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn 2, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - chị Tôn Thị N yêu cầu:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Tấn Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã H vào năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ có hành vi đánh đập, chửi bới xúc phạm, không tôn trọng chị N. Sau đó chị N đã làm đơn xin ly hôn với anh Đ, sau khi được Tòa án tiến hành hòa giải thì chị N đã rút đơn về sống đoàn tụ với anh Đ, được một thời gian thì mâu

thuẫn lại tiếp diễn, hai bên tiếp tục sống ly thân. Nhận thấy bản thân không còn tình cảm nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ. Về con chung, tài sản chung và nợ chung đều không có nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**/ Quá trình giải quyết vụ án bị đơn - anh Nguyễn Tấn Đ trình bày ý kiến:*

Anh Đ và Tôn Thị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã H vào năm 2017. Trước đây vợ chồng chung sống với nhau nhưng có xảy ra mâu thuẫn, chị N đã có làm đơn ly hôn tại Tòa án, quá trình giải quyết tại Tòa án thì được Hội đồng xét xử tiến hành hòa giải và chị N rút đơn quay về chung sống đoàn tụ. Sau khi vợ chồng về sống đoàn tụ thì cả hai cùng vào thành phố Hồ Chí Minh chung sống làm việc, nhưng được một thời gian thì vợ chồng xảy ra cải vả, cũng trong thời gian này chị N thường xuyên nhắn tin gọi điện nói chuyện qua lại với người khác nên dẫn đến mâu thuẫn. Sống chung với nhau được một thời gian thì chị N bỏ đi nơi khác sống, anh Đ cho rằng giữa anh và chị N đang còn là vợ chồng hợp pháp nhưng chị N đã quen người khác rồi làm đơn ly hôn, do đó đã xâm phạm chế độ hôn nhân nên anh Đ không đồng ý ly hôn. Thời gian chung sống anh Đ và chị N không có con chung; không có tài sản chung và nợ chung do đó không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Tôn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ;

Về án phí: Chị Tôn Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Tấn Đ là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn - chị Tôn Thị N:

Chị N và anh Nguyễn Tấn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã H năm 2017. Lý do mà chị N yêu cầu ly hôn với anh Đ là do vợ chồng bất đồng quan điểm và cách sống; thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ trong cuộc sống, anh Đ đánh đập, xúc phạm đến chị N, không tin tưởng nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, điều này anh Đ đã thừa nhận.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa chị N và anh Đ nhưng không thành vì chị N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, không muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh Đ nữa. Anh Đ không đồng ý ly hôn vì cho rằng chị N không chung thủy trong hôn nhân và làm đơn ly hôn để lập gia đình với người khác. Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Đ thể hiện thì: giữa chị N và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn từ cải vả, ghen tuông, đến nghị ngờ, thậm chị xảy ra xô xát đánh nhau. Kể từ thời gian sau khi rút đơn về chung sống đoàn với nhau thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng cũng không được cải thiện. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Đ theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: không có nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh Đ đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Cần buộc chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tôn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ.

Về án phí: Chị Tôn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số 0027067, ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án - 17/02/2020; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã H;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Mạnh Trí